TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẮC QUANG** **TỈNH HÀ GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2019/DS-ST
Ngày: 11 - 12 - 2019
"V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC QUANG, TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Hải Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Oanh

Bà Nguyễn Thị Hồng Chuyên

- Thư ký phiên tòa: Ông Chúng Minh Duẩn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: Bà Phạm Mai Thắm - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 12 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 32/2019/TLST-DS ngày 05 tháng 8 năm 2019 về "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2019/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 11 năm 2019, quyết định hoãn phiên tòa số 04/2019/QĐST-DS ngày 18/11/2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị Ng, sinh năm 1969; nơi cư trú: Số nhà 479, tổ 4, thị trấn V, huyện B, tỉnh Hà Giang. (có mặt)

- Bị đơn: + Bà Phùng Thị Hồng Nh, sinh năm 1979; đơn vị công tác: trường THCS Q, huyện B, tỉnh Hà Giang (vắng mặt)

+ Ông Đặng Văn C, sinh năm 1978 (vắng mặt)

Đều cư trú tại: tổ 7, thị trấn V, huyện B, tỉnh Hà Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 25/7/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Trần Thị Ng trình bày: Ngày 17/11/2016 bà Nh và ông C có

đến gia đình bà Ng xin vay tiền để làm ăn, sau khi thỏa thuận giữa hai bên, bà Ng đồng ý cho bà Nh và ông Cvay số tiền là 150.000.000 đồng, bà Nh là người trực tiếp viết giấy vay tiền với các điều khoản đã ghi trong hợp đồng, trong đó thỏa thuận lãi suất theo lãi suất của quỹ tín dụng thị trấn V là 1%/tháng. Tuy nhiên từ ngày vay, bà Nh chưa trả cả gốc và lãi theo thỏa thuận. Đến thời gian trả nợ theo thỏa thuận, bà Ng đã đến nhà vợ chồng bà Nh ông C nhiều lần để yêu cầu trả tiền nhưng vợ chồng bà Nhông C không trả. Nay bà Ng yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang giải quyết buộc bà Nh và ông C thanh toán cho bà Ng số tiền gốc đã vay là 150.000.000 đồng và tiền lãi là 40.500.000 đồng, tổng cộng cả gốc lẫn lãi là 190.500.000 đồng *(Một trăm chín mươi triệu năm trăm nghìn đồng)*. Tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 04/11/2019 và tại phiên tòa, bà Ng yêu cầu ông C và bà Nh thanh toán cho bà số tiền gốc đã vay là 150.000.000đ và tiền lãi tính trên số nợ gốc, thời gian tính lãi là 36 tháng tính từ ngày vay 17/11/2016 đến ngày 18/11/2019, với cùng mức lãi suất là 0,75%/tháng (tương đương với 9%/năm), do đó số tiền lãi bà Ng yêu cầu bà Nh và ông C thanh toán là (150.000.000 đồng x 0,75%) x 36 tháng = 40.500.000đ. Tổng số tiền gốc và lãi bà Ng yêu cầu bà Nh và ông C thanh toán là 190.500.000đ *(Một trăm chín mươi triệu năm trăm nghìn đồng)*. Nếu sau khi bản án có hiệu lực pháp luật bà Nh và ông C không tự nguyện thanh toán thì bà Ng sẽ có đơn yêu cầu thi hành án và hàng tháng bà Nh ông C phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 358, Điều 468 BLDS 2015.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệp tập hợp lệ Bà Phùng Thị Hồng Nh và ông Đặng Văn C nhiều lần nhưng bà Nh và ông C không có mặt để tham gia tố tụng, do đó Tòa án không tiến hành hòa giải được vụ án.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên toà: Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát giữ quyền kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong hoạt động tố tụng dân sự phát biểu: Quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà đã thực hiện đúng quy định của pháp luật; nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật; các bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Xét thấy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005; các Điều 429, 463, 466, 468, 470, 688 của Bộ luật dân sự 2015; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về án phí: các bị đơn là Bà Phùng Thị Hồng Nh và ông Đặng Văn C chịu án phí dân sự sơ thẩm theo luật định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Về thẩm quyền: Nguyên đơn là bà Trần Thị Ng có đơn khởi kiện "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" với bị đơn là Bà Phùng Thị Hồng Nh, ông Đặng Văn C có nơi cư trú tại tổ 7, thị trấn V, huyện B, theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang.

Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn bà Trần Thị Ng có mặt tại phiên tòa. Các bị đơn Bà Phùng Thị Hồng Nh và ông Đặng Văn C vắng mặt tại phiên toà lần thứ hai không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, căn cứ vào khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Toà án tiến hành xét xử vắng mặt Bà Phùng Thị Hồng Nh và ông Đặng Văn C.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu của nguyên đơn, thấy rằng:

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang đã tống đạt hợp lệ cho Bà Phùng Thị Hồng Nh và ông Đặng Văn C thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập đương sự, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập phiên tòa, quyết định hoãn phiên tòa. Tuy nhiên các bị đơn không có văn bản ghi ý kiến, không cung cấp tài liệu, chứng cứ cũng như không đến Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang để trình bày ý kiến, chứng tỏ Bà Phùng Thị Hồng Nh và ông Đặng Văn C đã không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu mà nguyên đơn Trần Thị Ng đưa ra. Do đó căn cứ Điều 91, khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự thì những tình tiết, sự kiện và tài liệu do bà Ng đưa ra có giá trị chứng minh.

Xét giấy vay tiền ngày 17/11/2016 *(bản gốc)* đã được Bà Phùng Thị Hồng Nh và ông Đặng Văn C ký tên, xác định giữa các bên đã ký kết hợp đồng dân sự về việc vay tài sản với số tiền là 150.000.000 đồng. Trong giấy vay tiền các bên có thỏa thuận thời hạn vay là 17 tháng, hạn trả nợ là ngày 17/04/2018. Về lãi suất, nguyên đơn trình bày các bên có thỏa thuận về lãi suất là 1%/tháng, tuy nhiên nội dung giấy vay tiền thể hiện các bên có thỏa thuận về trả lãi nhưng không xác định được mức lãi suất. Do đó đây là hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn và có lãi nhưng không xác định được mức lãi suất, do các bên tự nguyện giao kết, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên được bảo vệ và bảo đảm thực hiện. Từ ngày vay cho đến nay bà Nh và ông C chưa trả cả gốc và lãi cho bà Ng theo thỏa thuận. Như vậy bà Nh và ông C đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán.

Do đó cần căn cứ các Điều 280, Điều 357, Điều 429, Điều 463, Điều 466, 468, Điều 688 Bộ luật dân sự 2015 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ng, buộc bà Nh và ông C phải thanh toán cho bà Ng số tiền nợ gốc là 150.000.000

đồng. Về lãi suất: bà Ngchỉ yêu cầu bà Nh và ông C phải thanh toán cho bà Ng tiền lãi trên nợ gốc với mức lãi suất là 0,75%/tháng (tương đương 9%/năm), thời gian tính lãi là 36 tháng (tính từ ngày 17/11/2016 đến ngày 18/11/2019), cụ thể: 150.000.000 đồng x 0,75 % x 36 tháng = 40.500.000 đồng. Xét yêu cầu về tiền lãi của bà Ng là phù hợp với pháp luật dân sự tại thời điểm xác lập hợp đồng cũng như phù hợp với Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 do đó cần chấp nhận, buộc bà Nh và ông C phải thanh toán cho bà Ng số tiền lãi là 40.500.000 đồng. Do đó tổng số tiền cả gốc và lãi cần buộc bà Nh và ông C phải thanh toán cho bà Nglà 190.500.000đ *(Một trăm chín mươi triệu năm trăm nghìn đồng).*

[2.2] Về án phí: do toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên các bị đơn là Bà Phùng Thị Hồng Nh và ông Đặng Văn C chịu án phí dân sự sơ thẩm theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 280, Điều 357, Điều 429, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Ng: buộc Bà Phùng Thị Hồng Nh và ông Đặng Văn C phải trả cho bà Trần Thị Ng số tiền gốc là 150.000.000đ và số tiền lãi là 40.500.000đ, tổng cộng số tiền cả gốc và lãi là 190.500.000đ *(Một trăm chín mươi triệu năm trăm nghìn đồng)*.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí: Bà Phùng Thị Hồng Nh và ông Đặng Văn C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 9.525.000đ *(Chín triệu năm trăm hai mươi lăm nghìn đồng)*.

Trả lại cho bà Trần Thị Ng số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.762.500đ *(Bốn triệu bảy trăm sáu mươi hai nghìn năm trăm đồng)* tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B theo biên lai thu số 0000845 ngày 29 tháng 7 năm 2019.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; các bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- VKSND huyện Bắc Quang;
- Chi cục THADS huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Hải Hà